

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Toàn.
2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 421/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Đỗ Kim P**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: **Số E, ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.**

- Bị đơn: bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: **Số C, Ấp E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Đỗ Văn K**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: **Số C, Ấp E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà **Hồ Thị T** và ông **Đỗ Văn K** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Đỗ Kim P** số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), trong đó số tiền vay là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà **Hồ Thị T** và ông **Đỗ Văn K** phải liên đới chịu án phí là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, bà **Hồ Thị T** và ông **Đỗ**

Văn K là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà **Đỗ Kim P** không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.001.000 đồng (bảy triệu không trăm lẻ một nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002477 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Mộng Tuyền